

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ỨNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT ĐẾN TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT NẪM TRONG PHẠM VI THU
HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP, KIẾN CỐ HỆ THỐNG KÊNH T2-VĐ7,
KÊNH I2 - 10 - 10 KẾT HỢP LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(NAY LÀ XÃ ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

(Kèm theo Thông báo số: 80 /TB-UBND, ngày 16 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Ứng Hòa))

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ thường trú	Xứ đồng	Theo Bản đồ phục vụ GPMB						Thông tin bản đồ địa chính		Ghi chú
				Số tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	
1	Hộ bà Phạm Thị Dính	Thôn Vọng Tân	Đồng Sau Làng	1	2	977,2	9,7	967,5	LUC	4	1	
2	Hộ bà Trần Thị Loan	Thôn Vọng Tân	Đồng Sau Làng	1	3	2420,5	6,7	2413,8	LUC	4	5	
3	Hộ ông Nguyễn Văn Luân	Thôn Vọng Tân	Đồng Sau Làng	1	5	1380,6	0,7	1379,9	LUC	4	14	
4	Hộ ông Nguyễn Văn Vui	Thôn Vọng Tân	Đồng Sau Làng	1	6	1612,0	12,5	1599,5	LUC	4	6	
5	Hộ bà Dư Thị Thu	Thôn Vọng Tân	Đồng Sau Làng	1	12	1514,3	0,4	1513,9	LUC	4	37	
6	Hộ bà Nguyễn Thị Yên	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	3	258,7	51,8	206,9	LUC	17	215	
7	Hộ ông Lưu Văn Bẩy	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	4	175,5	0,5	175,0	LUC	17	338	
8	Hộ ông Chu Xuân Huynh	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	6	219,5	67,4	152,1	LUC	17	265	
9	Hộ ông Lưu Văn Hải	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	9	75,8	36,8	39,0	LUC	17	337	
10	Hộ ông Lưu Văn Tân	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	11	301,1	39,6	261,5	LUC	17	418	
11	Hộ bà Nguyễn Thị Chung	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	12	71,9	2,0	69,9	LUC	17	420	
12	Hộ bà Phạm Thị Hương	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	13	107,7	3,3	104,4	LUC	17	419	
13	Hộ ông Lưu Văn Hải	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	14	38,9	25,0	13,9	LUC	17	417	
14	Hộ bà Vương Thị Hoàn	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	15	144,9	3,5	141,4	LUC	17	421	
15	Hộ ông Nguyễn Văn Cường	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	18	182,0	1,0	181,0	LUC	17	426	
16	Hộ ông Nguyễn Thị Thọ	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	19	51,6	0,6	51,0	LUC	17	425	
17	Hộ ông Nguyễn Văn Sừ	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	20	180,1	2,5	177,6	LUC	17	424	
18	Hộ ông Nguyễn Đức Minh	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	21	35,8	0,6	35,2	LUC	17	423	

19	Hộ ông Nguyễn Đức Khoan (ông Khoản đã chết) người đại diện là bà Đặng Thị Nga	Thôn Tứ Kỳ	Đồng Chi Huy	2	22	174,5	3,5	171,0	LUC	17	422	
20	Hộ ông Lưu Văn Nếp	Thôn Khả Lạc	Đồng Cửa Chùa	2	23	150,9	132,8	18,1	LUC	17	416	
21	Hộ bà Phạm Kim Tiên	Thôn Đồng Xung	Đồng Chùa Chim	5	1	2804,0	9,9	2794,1	LUC	5	290	
22	Hộ ông Ngô Xuân Ba	Thôn Đồng Xung	Đồng Chùa Chim	5	3	1610,4	16,4	1594,0	LUC	5	294	
23	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Thôn Đồng Xung	Đồng Chùa Chim	5	5	1439,1	2,5	1436,6	LUC	5	299	
24	Hộ ông Ngô Bá Tước	Thôn Đồng Xung	Đồng Chùa Chim	6	1	2589,3	11,7	2577,6	LUC	5	323	
25	Hộ bà Hoàng Thị Biển	Thôn Đồng Xung	Đồng Chùa Chim	6	4	3195,3	3,1	3192,2	LUC	5	330	
26	Hộ bà Phạm Thị Phóng (bà Phóng đã chết) người đại diện là ông Lê Quyết Tiến	Thôn Đồng Xung	Đồng Cửa Nghè	6	6	506,9	1,1	505,8	LUC	5	344	
27	Hộ bà Nguyễn Thị Hoa	Thôn Đồng Xung	Đồng Cửa Nghè	6	7	209,2	1,6	207,6	LUC	5	348	
28	Hộ bà Trịnh Thị Thường	Thôn Đồng Xung	Đồng Cửa Nghè	6	8	197,0	9,6	187,4	LUC	5	353	
29	Hộ ông Ngô Công Đáng	Thôn Đồng Xung	Đồng Cửa Nghè	7	3	4014,7	0,8	4013,9	LUC	9	33	
30	Hộ ông Ngô Bá Sở	Thôn Đồng Xung	Đồng Đa Canh	8	4	3494,3	10,5	3483,8	LUC	9	113	
31	Hộ bà Phạm Thị Thừa	Thôn Đồng Xung	Đồng Đa Canh	8	5	3473,7	4,6	3469,1	LUC	9	144	
32	Hộ bà Lê Thị Thuý	Thôn Quan Châm	Đồng Cửa Chùa	1	3	312,8	10,3	302,5	LUC	20	58	
33	Hộ ông Vũ Văn Nhỏn (ông Nhỏn đã chết) người đại diện là ông Vũ Văn Uyên	Thôn Quan Châm	Đồng Cửa Chùa	1	4	176,7	10,2	166,5	LUC	20	76	
34	Hộ ông Trần Văn Huyền	Thôn Quan Châm	Đồng Cửa Chùa	1	7	272,1	10,1	262,0	LUC	20	92	
35	Hộ ông Trần Văn Huyền	Thôn Quan Châm	Đồng Cửa Chùa	1	9	125,2	6,9	118,3	LUC	20	77	
36	Hộ ông Đặng Văn Tuyển	Thôn Quan Châm	Đồng ca Cửa Chùa	1	15	202,9	21,4	181,5	LUC	20	139	
37	Hộ ông Nguyễn Hùng Sơn	Thôn Quan Châm	Thôn Quan Châm	1	16	298,5	21,2	277,3	LUC	20	140	
38	Hộ ông Nguyễn Văn Bào	Thôn Quan Châm	Thôn Quan Châm	1	17	239,1	14,8	224,3	LUC	20	148	
39	Hộ ông Đinh Xuân Nam	Thôn Quan Châm	Thôn Quan Châm	1	19	213,7	1,6	212,1	LUC	20	157	
40	Hộ ông Nguyễn Xuân Bầy	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	3	2	1824,2	35,1	1789,1	LUC	6	79	
41	Hộ ông Đỗ Văn Dương	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	3	3	1536,0	29,5	1506,5	LUC	6	78	
42	Hộ ông Nguyễn Xuân Mười	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	3	6	1550,8	29,2	1521,6	LUC	6	72	
43	Hộ ông Phùng Việt Hưng	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	3	7	271,4	4,1	267,3	LUC	6	70	
44	Hộ ông Nguyễn Xuân Văn	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	3	8	257,0	4,3	252,7	LUC	6	71	

45	Hộ ông Nguyễn Đình Mong	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Săn	3	9	1890,4	35,4	1855,0	LUC	6	73	
46	Hộ ông Nguyễn Đình Châu	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Săn	3	10	2365,1	41,8	2323,3	LUC	6	74	
47	Hộ ông Nguyễn Văn Lượng	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Săn	3	11	1824,1	36,8	1787,3	LUC	6	75	
48	Hộ ông Nguyễn Quang Hợp	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Săn	3	12	1820,5	36,1	1784,4	LUC	6	76	
49	Hộ ông Chu Văn Chuyên	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Săn	3	13	1261,0	23,3	1237,7	LUC	6	77	
50	Hộ ông Nguyễn Xuân Lưu	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	15	106,9	2,9	104,0	LUC	24	93	
51	Hộ bà Nguyễn Thị Khương	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	16	321,2	10,1	311,1	LUC	24	94	
52	Hộ bà Chu Thị Luyến	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	17	111,8	3,3	108,5	LUC	24	92	
53	Hộ ông Đào Kim Đại	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	18	145,5	4,7	140,8	LUC	24	86	
54	Hộ bà Lê Thị Bong	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	19	258,9	8,0	250,9	LUC	24	90	
55	Hộ bà Chu Thị Luyến	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	20	90,8	2,8	88,0	LUC	24	91	
56	Hộ bà Chu Thị Thắng	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	21	284,0	10,2	273,8	LUC	24	88	
57	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	22	336,4	12,2	324,2	LUC	24	87	
58	Hộ ông Nguyễn Quốc Phòng	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	23	145,5	5,2	140,3	LUC	24	86	
59	Hộ ông Nguyễn Xuân Thiều	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	24	240,4	7,8	232,6	LUC	24	83	
60	Hộ ông Nguyễn Đình Chính	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	25	205,5	7,8	197,7	LUC	24	85	
61	Hộ bà Nguyễn Thị Thuận	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	26	203,8	7,6	196,2	LUC	24	84	
62	Hộ ông Nguyễn Xuân Văn	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	27	113,9	3,3	110,6	LUC	24	82	
63	Hộ bà Nguyễn Thị Ve (bà Ve đã chết) người đại diện là ông Nguyễn Xuân Văn	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hoả	3	28	194,6	4,8	189,8	LUC	24	81	
64	Hộ bà Nguyễn Thị Sáu	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	29	75,7	1,4	74,3	LUC	23	140	
65	Hộ ông Nguyễn Văn Trọng	Thôn Nam Chính	Đồng Cửa Ao	3	30	300,0	6,3	293,7	LUC	23	141	
66	Hộ ông Nguyễn Xuân Công	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	1	1429,1	3,8	1425,3	LUC	6	45	
67	Hộ bà Nguyễn Thị Đông	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	2	643,7	14,3	629,4	LUC	6	48	
68	Hộ bà Nguyễn Thị Phương (bà Phương đã chết) người đại diện ông Chu Văn Lịch	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	3	1295,9	25,9	1270,0	LUC	6	65	
69	Hộ ông Nguyễn Xuân Thuý	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	4	718,3	4,2	714,1	LUC	6	66	
70	Hộ ông Nguyễn Xuân Thoả (Người được Ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thái)	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	5	693,5	13,3	680,2	LUC	6	47	

71	Hộ ông Nguyễn Xuân Đô	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	6	2356,2	47,6	2308,6	LUC	6	64	
72	Hộ ông Nguyễn Xuân Tú	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	7	2759,8	15,6	2744,2	LUC	6	63	
73	Hộ ông Chu Văn Lạng	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	8	3033,5	45,9	2987,6	LUC	6	62	
74	Hộ bà Nguyễn Thị Hiếu (bà Hiếu đã chết) người đại diện là ông Nguyễn Dũng Văn	Thôn Nam Chính	Đồng Mả Bói	4	9	541,1	8,8	532,3	LUC	6	61	
75	Hộ ông Chu Ngọc Vui	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	10	1893,5	31,0	1862,5	LUC	6	60	
76	Hộ bà Chu Thị Quyết	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	11	927,5	15,1	912,4	LUC	6	59	
77	Hộ bà Nguyễn Thị Thơm	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	12	2141,9	39,5	2102,4	LUC	6	58	
78	Hộ bà Ngô Thị Đề	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	13	2738,9	52,1	2686,8	LUC	6	57	
79	Hộ ông Nguyễn Xuân Định	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	14	2086,6	37,9	2048,7	LUC	6	56	
80	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	15	933,6	12,9	920,7	LUC	6	53	
81	Hộ ông Chu Ngọc Nam	Thôn Nam Chính	Đồng Mả Bói	4	16	1552,2	25,3	1526,9	LUC	6	55	
82	Hộ bà Nguyễn Thị Thuận	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	17	722,3	10,7	711,6	LUC	6	54	
83	Hộ ông Chu Ngọc Nhất	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	18	659,6	9,2	650,4	LUC	6	52	
84	Hộ ông Nguyễn Viết Xuân	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	19	1262,0	20,3	1241,7	LUC	6	51	
85	Hộ ông Nguyễn Xuân Hoà	Thôn Nam Chính	Đồng Con Hỏ	4	21	2096,3	36,2	2060,1	LUC	6	84	
86	Hộ ông Chu Văn Bình	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	22	1449,9	24,8	1425,1	LUC	6	83	
87	Hộ ông Chu Văn Hán	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	23	1027,9	18,6	1009,3	LUC	6	82	
88	Hộ ông Chu Văn Thăng	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	24	1801,8	32,6	1769,2	LUC	6	81	
89	Hộ ông Chu Văn Cường	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Sắn	4	25	630,4	11,4	619,0	LUC	6	80	
90	Hộ ông Nguyễn Xuân Sỹ	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	4	26	1306,0	0,8	1305,2	LUC	6	85	
91	Hộ bà Nguyễn Thị Luyến	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Rút	4	32	1481,2	3,8	1477,4	LUC	6	110	
92	Hộ bà Nguyễn Thị Khuyên	Thôn Nam Chính	Đồng Đồng Lều	5	2	2421,6	2,7	2418,9	LUC	5	10	
93	Hộ ông Nguyễn Đình Tôn	Thôn Nam Chính	Đồng Đồng Lều	5	4	1264,3	5,5	1258,8	LUC	5	13	
94	Hộ ông Chu Văn Đăng	Thôn Nam Chính	Đồng Lều	5	5	2340,7	1,4	2339,3	LUC	5	14	
95	Hộ ông Nguyễn Xuân Khôi	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Chanh	5	7	1801,4	7,0	1794,4	LUC	4	390	
96	Hộ ông Nguyễn Xuân Chín	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Chanh	5	9	1285,3	12,4	1272,9	LUC	4	385	
97	Hộ ông Chu Văn Nhanh	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Chanh	5	12	3601,1	90,5	3510,6	LUC	6	11	
98	Hộ ông Nguyễn Xuân Truyền	Thôn Nam Chính	Đồng Cây Chanh	5	13	2245,0	92,9	2152,1	LUC	6	30	
99	Hộ ông Nguyễn Xuân Truyền	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	5	16	1386,7	46,4	1340,3	LUC	6	36	

100	Hộ ông Lê Hoa Lư	Thôn Nam Chính	Đồng Ruộng Rộc	5	18	1680,3	45,8	1634,5	LUC	6	35	
101	Hộ ông Chu Xuân Thực	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	5	252,1	25,1	227,0	LUC	44	21	
102	Hộ ông Chu Văn Nghị	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	6	180,0	17,6	162,4	LUC	44	22	
103	Hộ ông Ngô Văn Quý	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	7	73,5	4,8	68,7	LUC	44	32	
104	Hộ ông Ngô Văn Quyền	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	8	331,9	24,1	307,8	LUC	44	34	
105	Hộ ông Văn Tiến Thiện	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	9	180,1	13,7	166,4	LUC	44	26	
106	Hộ ông Nguyễn Văn Bình (ông đã chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Nhiên	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	10	360,6	19,8	340,8	LUC	44	25	
107	Hộ ông Ngô Đức Lập	Thôn Thanh Hội	Đồng Đồng Chanh	11	11	86,6	7,5	79,1	LUC	44	24	
108	Hộ ông Chu Văn Dũng	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	11	12	108,0	9,6	98,4	LUC	44	23	
109	Hộ ông Nguyễn Văn Sâm	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	1	108,4	6,8	101,6	LUC	44	31	
110	Hộ ông Nguyễn Mạnh Hà	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	2	186,4	11,3	175,1	LUC	44	30	
111	Hộ ông Nguyễn Đại Cường	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	3	288,1	19,9	268,2	LUC	44	29	
112	Hộ ông Chu Xuân Vẽ (ông Chu đã chết) người đại diện là bà Lê Thị Phương	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	4	180,2	12,7	167,5	LUC	44	28	
113	Hộ ông Chu Văn Thuật	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	5	116,9	8,6	108,3	LUC	45	69	
114	Hộ bà Vương Thị Khương	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	7	252,4	4,4	248,0	LUC	45	70	
115	Hộ ông Chu Tiến Mỹ	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	8	287,9	10,9	277,0	LUC	45	90	
116	Hộ ông Nguyễn Hữu Hợp	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	9	152,5	6,0	146,5	LUC	45	91	
117	Hộ bà Chu Thị Vinh	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	10	108,4	4,4	104,0	LUC	44	92	
118	Hộ bà Nguyễn Thị Trường	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	11	180,2	5,7	174,5	LUC	44	93	
119	Hộ ông Đoàn Văn Hưng (Người được ủy quyền) bà Đoàn Thị Thoa	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	12	180,5	5,5	175,0	LUC	45	94	
120	Hộ bà Ngô Thị Huệ	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	13	144,2	5,5	138,7	LUC	45	95	
121	Hộ ông Ngô Văn Kiểm	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	14	285,9	8,7	277,2	LUC	45	96	
122	Hộ ông Đặng Văn Chiến	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	15	108,6	3,1	105,5	LUC	45	72	
123	Hộ bà Nguyễn Thị Hòa (bà Hòa đã chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Mỹ	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	16	72,6	2,1	70,5	LUC	45	71	
124	Hộ ông Chu Hồng Phúc	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	17	252,6	6,2	246,4	LUC	45	89	

125	Hộ ông Chu Văn Báo	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	18	144,4	5,7	138,7	LUC	45	98	
126	Hộ ông Lương Thanh Quỳnh	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	19	288,2	12,9	275,3	LUC	45	99	
127	Hộ ông Chu Xuân Thông (ông Thông đã chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Kha	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	20	180,2	9,8	170,4	LUC	44	28	
128	Hộ ông Văn Đình Cộg	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	21	180,3	9,5	170,8	LUC	45	101	
129	Hộ ông Chu Văn Xương	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	22	180,7	9,6	171,1	LUC	45	102	
130	Hộ bà Trần Thị Thanh	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	23	144,8	7,3	137,5	LUC	45	103	
131	Hộ bà Chu Thị Xây	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	24	288,5	14,6	273,9	LUC	45	104	
132	Hộ ông Chu Xuân Thiện	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	25	108,7	5,5	103,2	LUC	45	105	
133	Hộ ông Văn Đình Thụy	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	26	144,5	6,9	137,6	LUC	45	106	
134	Hộ ông Ngô Văn Ngọc	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	28	290,7	9,9	280,8	LUC	45	134	
135	Hộ bà Chu Thị Toán	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	29	108,7	3,2	105,5	LUC	45	135	
136	Hộ ông Văn Đình Cường	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	30	40,5	1,3	39,2	LUC	45	136	
137	Hộ ông Nguyễn Trường Long	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	31	180,3	5,7	174,6	LUC	45	137	
138	Hộ bà Nguyễn Thị Huân	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	32	144,1	4,6	139,5	LUC	45	138	
139	Hộ ông Văn Đình Mãi	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	33	108,6	3,4	105,2	LUC	45	139	
140	Hộ ông Văn Đình Luận	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	34	72,4	2,3	70,1	LUC	45	140	
141	Hộ ông Phạm Văn Thía	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	35	144,1	4,5	139,6	LUC	45	141	
142	Hộ ông Chu Xuân Cản	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	36	108,4	3,1	105,3	LUC	44	142	
143	Hộ ông Chu Xuân Hậu	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	37	108,0	3,9	104,1	LUC	44	143	
144	Hộ bà Chu Thị Thơm	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	38	180,5	7,2	173,3	LUC	45	144	
145	Hộ bà Nguyễn Thị Thu	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	39	180,1	8,1	172,0	LUC	44	108	
146	Hộ ông Văn Đình Tinh	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	40	180,2	8,0	172,2	LUC	44	107	
147	Hộ bà Dương Thị Định	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	41	108,1	3,9	104,2	LUC	45	133	
148	Hộ ông Chu Mạnh Đạt	Thôn Thanh Hội	Đồng Trước Làng	12	42	101,0	3,3	97,7	LUC	45	132	
149	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thôn Lạc Đạo	Thôn Lạc Đạo	1	2	210,9	3,8	207,1	ONT	22	63	
150	Ông Trần Đăng Hùng và Bà Đặng Thị Ngọc	Thôn Tự Chung	Thôn Tự Chung	9	2	247,9	36,1	211,8	ONT	39	426	
151	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thôn Tự Chung	Thôn Tự Chung	9	10	123,9	17,2	106,7	ONT	39	427	
152	Bà Trần Thị Thanh	Thôn Thanh Hội	Thôn Tự Chung	9	3	159,0	16,0	143,0	ONT	39	48	

153	Ông Trần Văn Sót	Thôn Tự Chung	Thôn Tự Chung	9	5	111,9	6,9	105,0	ONT	39	82	
154	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Vọng Tân		1	1	219,1	2,6	216,5	LUC	4	164	
155	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Cửa Chùa		2	7	54,1	54,1	0,0	LUC	17	336	
156	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Cửa Chùa		1	2	570,8	4,8	566,0	LUC	20	39	
157	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	12	101,8	5,2	96,6	LUC	20	126	
158	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Mạ Miếu		2	1	15049,5	9,7	15039,8	LUC	21	336	
159	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Con Hỏa		3	14	2351,1	89,5	2261,6	LUC	24	95	
160	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	33	502,1	10,7	491,4	LUC	23	143	
161	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	34	413,5	4,2	409,3	LUC	23	142	
162	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	37	5348,9	11,5	5337,4	LUC	6	130	
163	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Mườì		5	6	503,7	2,8	500,9	LUC	5	18	
164	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		4	3	15406,4	1,4	15405,0	LUC			
165	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		9	1	2529,7	361,2	2168,5	LUC			
166	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Vọng Tân		1	4	853,7	343,3	510,4	DGT	4	43	
167	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		1	8	46,1	4,1	42,0	DGT	16	232	
168	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		1	10	185,5	158,9	26,6	DGT	16	1	
169	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	1	6,7	3,9	2,8	DGT	17	51	
170	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	10	777,8	600,7	177,1	DGT	17	155	
171	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		2	24	1665,6	991,8	673,8	DGT	5	295	
172	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		3	2	1031,3	928,3	103,0	DGT	5	369	
173	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		3	4	1065,0	723,2	341,8	DGT	5	295	
174	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		4	4	1189,1	961,5	227,6	DGT	5	369	
175	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		5	4	732,1	642,8	89,3	DGT	5	295	
176	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		6	2	1240,1	1008,0	232,1	DGT	5	295	
177	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		7	2	913,6	760,5	153,1	DGT	9	246	
178	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		8	2	1001,2	828,2	173,0	DGT	9	246	
179	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	5	629,2	582,9	46,3	DGT	20	57	
180	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	14	1514,2	1064,1	450,1	DGT	20	119	
181	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		2	2	729,0	578,3	150,7	DGT	20	119	
182	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		2	4	903,7	747,5	156,2	DGT	21	410	
183	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	4	3502,4	2662,2	840,2	DGT	23	153	

184	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		4	29	5258,5	3565,8	1692,7	DGT	6	414	
185	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		5	10	4722,7	3146,2	1576,5	DGT	5	7	
186	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		1	3	3738,0	1929,3	1808,7	DGT	1	2	
187	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		1	4	628,6	350,6	278,0	DGT	1	1	
188	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		2	3	1277,0	578,9	698,1	DGT	1	5	
189	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		2	5	2213,4	1089,8	1123,6	DGT	1	4	
190	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		3	1	2133,3	718,3	1415,0	DGT	1	7	
191	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		3	3	1144,3	977,9	166,4	DGT	1	8	
192	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		4	2	3245,3	2225,2	1020,1	DGT			
193	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		5	2	3144,2	1640,0	1504,2	DGT			
194	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		6	2	2940,2	1640,9	1299,3	DGT	1	16	
195	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		7	2	2221,1	892,3	1328,8	DGT	39	83	
196	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		8	3	861,0	538,1	322,9	DGT			
197	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		8	4	398,6	152,2	246,4	DGT			
198	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		9	6	3505,8	1664,6	1841,2	DGT			
199	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		10	4	2395,5	1856,5	539,0	DGT			
200	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		11	2	980,2	807,7	172,5	DGT			
201	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		11	4	514,0	379,2	134,8	DGT			
202	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		12	27	1833,9	1024,9	809,0	DGT			
203	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		1	9	146,7	13,0	133,7	DTL	16	63	
204	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	2	117,2	39,8	77,4	DTL	17	52	
205	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	5	15,7	8,2	7,5	DTL	17	67	
206	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	8	836,6	79,5	757,1	DTL	17	335	
207	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		2	16	267,7	215,6	52,1	DTL	4	84	
208	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		2	17	82,5	20,5	62,0	DTL	17	414	
209	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		2	25	517,1	517,1	0,0	DTL	5	247	
210	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		2	26	188,3	57,1	131,2	DTL	5	25	
211	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		2	27	277,8	44,2	233,6	DTL	4	81	
212	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		3	1	311,7	19,2	292,5	DTL	5	251	
213	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		3	3	1302,0	1302,0	0,0	DTL	5	247	
214	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		3	5	23,2	3,5	19,7	DTL	5	262	

215	UBND xã Ung Hòa	Thôn Tứ Kỳ		4	1	66,6	3,1	63,5	DTL	5	251	
216	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		4	2	211,0	211,0	0,0	DTL	5	247	
217	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tứ Kỳ		4	3	16,1	4,1	12,0	DTL	5	237	
218	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		4	5	404,0	404,0	0,0	DTL	5	277	
219	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		5	2	286,7	286,7	0,0	DTL	5	277	
220	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		5	6	152,0	152,0	0,0	DTL	5	335	
221	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		5	7	21,7	8,8	12,9	DTL	5	317	
222	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		6	3	691,9	691,9	0,0	DTL	5	335	
223	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		6	5	67,8	10,5	57,3	DTL	5	352	
224	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		7	1	603,4	603,4	0,0	DTL	5	335	
225	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		8	1	17,0	0,4	16,6	DTL	9	146	
226	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Đồng Xung		8	3	871,4	817,0	54,4	DTL	9	88	
227	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	1	16,6	3,8	12,8	DTL	20	19	
228	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		1	6	9,1	0,7	8,4	DTL	20	46	
229	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	8	409,9	44,3	365,6	DTL	20	84	
230	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	11	953,5	953,5	0,0	DTL	20	101	
231	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quan Châm		1	13	87,1	11,1	76,0	DTL	20	156	
232	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		1	18	396,6	396,6	0,0	DTL	20	156	
233	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		1	20	142,8	18,2	124,6	DTL	20	159	
234	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		2	3	1328,7	1315,6	13,1	DTL	20	156	
235	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	5	872,9	835,0	37,9	DTL	23	154	
236	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	31	2387,5	2387,5	0,0	DTL	23	151	
237	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	32	133,7	31,3	102,4	DTL	23	81	
238	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	35	150,5	90,8	59,7	DTL	6	198	
239	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		4	20	219,7	5,1	214,6	DTL	6	40	
240	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		4	27	1087,7	1087,7	0,0	DTL	6	49	
241	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		4	28	1001,8	3,8	998,0	DTL	6	194	
242	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		4	30	155,2	19,3	135,9	DTL	6	296	
243	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		4	31	2182,5	2182,5	0,0	DTL	6	90	
244	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		4	33	249,1	14,7	234,4	DTL	6	265	
245	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		5	1	108,1	20,3	87,8	DTL	5	3	

246	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		5	3	60,5	13,9	46,6	DTL	5	19	
247	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		5	8	208,1	23,1	185,0	DTL	4	313	
248	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		5	11	2626,6	2626,6	0,0	DTL	6	49	
249	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		5	14	150,2	13,1	137,1	DTL	6	37	
250	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		5	15	217,5	9,2	208,3	DTL	6	29	
251	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Cầu		5	17	888,8	45,0	843,8	DTL	6	194	
252	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		1	1	726,5	726,5	0,0	DTL	22	65	
253	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		1	5	1611,3	1611,3	0,0	DTL	22	74	
254	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		1	6	518,5	1,4	517,1	DTL	22	72	
255	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		2	1	26,6	5,7	20,9	DTL	1	3	
256	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		2	2	1095,1	4,8	1090,3	DTL	6	155	
257	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		2	4	1656,5	1656,5	0,0	DTL	6	205	
258	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Lạc Đạo		3	2	1254,0	1254,0	0,0	DTL	1	6	
259	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		4	1	1691,8	1691,8	0,0	DTL			
260	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		4	4	5,0	0,6	4,4	DTL	1	12	
261	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		4	5	239,8	1,7	238,1	DTL	1	15	
262	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		5	1	95,9	60,9	35,0	DTL			
263	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		5	3	1287,0	1287,0	0,0	DTL	33	6	
264	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		6	1	737,2	737,2	0,0	DTL	33	6	
265	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		6	3	8,3	0,7	7,6	DTL	34	142	
266	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		6	4	585,9	585,9	0,0	DTL	34	142	
267	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		7	1	1133,6	1133,4	0,2	DTL	34	142	
268	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Quảng Tái		7	3	277,9	119,3	158,6	DTL	39	83	
269	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		8	2	1156,9	658,5	498,4	DTL	39	83	
270	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		9	4	1244,0	1122,9	121,1	DTL			
271	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		9	7	419,2	415,4	3,8	DTL			
272	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		10	1	29,6	14,6	15,0	DTL	39	276	
273	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		10	2	531,5	531,5	0,0	DTL			
274	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Trung		10	5	666,4	666,4	0,0	DTL			
275	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		11	3	1455,5	1121,5	334,0	DTL			
276	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		12	6	196,4	17,1	179,3	DTL	45	68	

277	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		12	44	1438,2	0,4	1437,8	DTL			
278	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		9	8	2931,6	7,7	2923,9	DVH	39	273	
279	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		11	1	10011,2	121,3	9889,9	DVH	39	399	
280	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Khả Lạc		1	13	4153,8	6,1	4147,7	NTD	16	2	
281	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Thanh Hội		12	43	4504,8	123,7	4381,1	NTD	45	153	
282	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Cả Cửa Chùa		1	10	11469,7	64,4	11405,3	NTS	20	108	
283	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		2	5	10157,1	48,0	10109,1	NTS	21	533	
284	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Nam Chính		3	1	5081,5	55,7	5025,8	NTS	23	87	
285	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		8	1	9647,9	172,1	9475,8	NTS	12	4	
286	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Tự Chung		10	3	7198,3	1,2	7197,1	NTS			
287	UBND xã Ứng Hòa	Thôn Vọng Tân		1	11	764,4	0,8	763,6	DRA	4	28	
288	UBND xã Ứng Hòa	Đồng Đàm		3	36	1465,4	7,8	1457,6	DRA	6	95	
Tổng						333.648,8	75.315,0	258.333,8				